

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2021/HS-ST  
Ngày: 21-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;
- Ông Thái Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 184/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh C, sinh năm: 1984 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph (đã chết); bị cáo có vợ tên Trần Thị H (đã ly hôn), có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Bình Tr, sinh năm: 1990 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm: 1950 và bà Lưu Ngọc Ch, sinh năm: 1956; bị cáo có vợ tên Lý Thị Kiều T, có 02 con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”, ngày 19/7/2011 chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương; Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

xử phạt 04 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, tháng 11/2015 chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2021, đến ngày 15/7/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Trung V, sinh năm: 1984 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã Th, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959); bị cáo có chồng tên Lê Thanh H (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Quang Trl (tên gọi khác: B), sinh năm: 1989 tại tỉnh thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Ph, xã Ph1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Võ Thị Th, sinh năm: 1971; bị cáo có vợ tên Trần Thị Diễm Tr, sinh năm: 1991, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Trọng Qu, sinh năm: 1975 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng S (chết) và bà Nguyễn Thị Ch (chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị H, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1984 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã Th, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T sinh năm 1944 và bà Trần Thị N sinh năm 1948, bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Lệ Ng (đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1975 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết), bị cáo có vợ tên Trần Thị Thu H, sinh năm 1979, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Phan Văn Hữu Đ, sinh năm: 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Ph, xã Ph1, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Kh, sinh năm 1936 và bà Võ Thị Đ sinh năm 1946; bị cáo có vợ tên Trần Thị Thu S, sinh năm: 1988, có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Nguyễn Minh Th1, sinh năm: 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1954 và bà Trần Thị Ch sinh năm 1957, bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và hiện có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1994 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu H (đã chết), bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2021, đến ngày 15/7/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Đặng Minh Tr2 (tên gọi khác: T), sinh năm: 1978 tại Tỉnh Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Nh, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Ph1, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1949; bị cáo có vợ tên Lý Thị Lệ H, sinh năm: 1981, có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2021, đến ngày 15/7/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Phan Hoàng A, sinh năm: 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã Th, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Tấn T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim Ph, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/02/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 01 (Một) năm (Hai) tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Nguyễn Anh H (tên gọi khác: Tr), sinh năm: 1993 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Ph, xã Ph1, thị xã

Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: Phan Văn Th2, sinh năm: 1981 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N (chết) và bà Đào Thị Tr, sinh năm 1949; bị cáo có vợ tên Trần Thị T, sinh năm 1983; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: Đặng Văn T, sinh năm: 1974 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở hiện nay: ấp Ph, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ sửa xe; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th, sinh năm: 1953 và bà Lê Thị Tr, sinh năm: 1953, bị cáo có vợ tên Triệu Ngọc Đ, sinh năm: 1984; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2021, đến ngày 15/7/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: Cù Huy B, sinh năm: 1980 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã C1, huyện Ph2, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cù Huy C (đã chết) và bà Trần Thị M (đã chết); bị cáo có vợ tên Hồ Thị B, sinh năm: 1983, có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

17. Họ và tên: Nguyễn Trúc L1, sinh năm: 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết), bị cáo có chồng tên Lê Văn H, sinh năm: 1979; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

18. Họ và tên: Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác Ch), sinh năm: 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1943, bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1984; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền

án: Không; Tiền sự: Ngày 11/5/2020 có hành vi đánh bạc bị Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ, đã nộp phạt ngày 15/5/2020.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021, đến ngày 09/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/02/2021, Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr và Nguyễn Thị Trung V rủ nhau đến sông tài xỉu do Qu và Nh tổ chức tại khu đất trống sau nhà số 16/4, đường số 802, tổ 12, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh bạc thắng thua bằng tiền. C thuê xe ô tô của một người tên L (không rõ lai lịch) để chở Tr và V đi từ tỉnh Bình Dương đến sông bạc nói trên. Tại căn nhà số 16/4 đã có sẵn ghế nhựa, chiếu, tấm bạt để phục vụ cho hoạt động đánh bạc, thời điểm này không có Qu và Nh tại sông bạc. Cường đưa cho Tr số tiền 30.000.000đ để Tr làm nhiệm vụ phát hỏa, V làm nhiệm vụ lắc cái và C ngồi quan sát các con bạc tham gia đặt cược. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, V lắc được khoảng 30 ván, trong đó có 01 ván bão, Trọng thu số tiền thắng bão được 2.800.000đ và bỏ tiền xâu 50% số tiền thắng bão là 1.400.000đ vào lon. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, V đã lắc xong hột xí ngầu, Trần Quang Tr1 đặt cược 500.000đ vào bên tài, Nguyễn Trọng Qu đặt cược 500.000đ vào bên tài, Nguyễn Văn Th đặt cược 1.000.000đ vào bên tài, Nguyễn Thanh S đặt cược 1.000.000đ vào bên tài, Phan Văn Hữu Đ đặt cược 1.000.000đ vào bên tài, Nguyễn Minh Th1 đặt cược 100.000đ vào bên xỉu, Nguyễn Thanh L đặt cược 500.000đ vào bên xỉu, Đặng Minh Tr2 đặt cược 200.000đ vào bên tài và Nguyễn Văn H1 bắt số trực tiếp với Tr2 số tiền 200.000đ (H1 chỉ đánh bạc riêng với Tr2), Phan Hoàng A đặt số tiền 1.000.000đ vào bên tài, Nguyễn Anh H đặt cược số tiền 300.000đ vào bên tài, Phan Văn Th2 đặt cược 500.000đ vào bên xỉu, Đặng Văn T đặt cược 500.000đ vào bên xỉu, Cù Huy B đặt cược 500.000đ vào bên tài và Nguyễn Trúc L1 đặt cược 500.000đ vào bên tài, chưa phân định thắng thua thì bị công an bắt quả tang, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 8.600.000đ, số tiền xâu để trong lon là 9.400.000đ, tiền trong người các con bạc dùng để đánh bạc là 173.160.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 191.160.000đ.

Lúc Công an bắt quả tang, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Trung V và một số con bạc khác (không rõ lai lịch) chạy thoát. Đến ngày 01/6/2021, C ra đầu thú; ngày 07/6/2021, V ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 312.160.000đ (Trong đó: Tiền thu giữ trên chiếu bạc là 8.600.000đ; tiền thu giữ trong người các con bạc dùng để đánh bạc là 178.160.000đ; tiền xâu là 9.400.000đ; tiền thu giữ trong người các con bạc không dùng vào việc đánh bạc là 116.000.000đ);

- 12 ghế nhựa, 01 tấm chiếu, 01 tấm bạt, 02 gói thuốc, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa, 03 hột xí ngầu, 01 tấm ngói đỏ, 01 nam châm dùng phục vụ lắc tài xỉu; 01 bộ dụng cụ lắc tài xỉu (của Tr1); 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Tr; 01 điện thoại di động

Iphone của Tr1; 01 bộ dụng cụ lắc tài xỉu của Tr1; 01 điện thoại di động hiệu Realme của Qu; 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Th; 01 điện thoại di động hiệu Vivo của Đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Th1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone của L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Tr2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của A; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của H; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Th2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của T; 01 điện thoại di động hiệu Masstel của L1.

Các vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc đội cảnh sát THAHS&HTTP Công an huyện Củ Chi.

Tại bản Cáo trạng số 185/CT-VKS.CC ngày 24 tháng 8 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị can Nguyễn Văn H1 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Ngày 28/02/2021 bị cáo Tr điện thoại rủ bị cáo đến huyện Củ Chi làm cái lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền thì bị cáo đồng ý, sau đó bị cáo Tr điện thoại rủ bị cáo V cùng tham gia. Bị cáo mang theo số tiền 30.000.000đ cùng với bị cáo Tr, V đến sông tài xỉu theo bị cáo biết là do người tên Nh và Qu tổ chức tại khu đất trống sau nhà số 16/4, đường số 802, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bằng xe ô tô 04 chỗ do bị cáo thuê của người tên L, khi đến nơi thì có người khác đang lắc cái nhưng không có Qu và Nh. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, đến bị cáo làm cái, bị cáo đưa cho bị cáo Tr số tiền 30.000.000đ làm nhiệm vụ chung chi cho con bạc, bị cáo V lắc tài xỉu, còn bị cáo ngồi trên ghế quan sát. Nếu bị cáo V lắc được bảo thì bị cáo V và bị cáo Tr được 100.000đ, còn tiền thắng bảo thì xâu 50%, bị cáo V lắc được khoảng 30 ván thì có 01 ván bảo với số tiền thắng được là 2.800.000đ, bị cáo đưa tiền bảo 1.400.000đ vào lon, bị cáo V và bị cáo Tr mỗi bị cáo được 100.000đ. Đến khoảng 16 giờ 00 phút, khi bị cáo V lắc hết xí ngẫu xong để cho các bị cáo khác đặt tiền, khi bị cáo V chuẩn bị khai thì bị Công an phát hiện, bị cáo bỏ chạy đánh rơi điện thoại di động mà bị cáo gọi cho bị cáo Tr để rủ đánh bạc. Đến ngày 01/6/2021 bị cáo đến cơ quan công an đầu thú.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Bình Tr thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Ngày 28/02/2021 bị cáo C điện thoại rủ bị cáo đến huyện Củ Chi làm cái lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền thì bị cáo đồng ý. Bị cáo cùng với bị cáo C, V đến sông tài xỉu do người tên Qu và Nh tổ chức tại khu đất trống sau nhà số 16/4 đường số 802, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bằng xe ô tô 04 chỗ do bị cáo C thuê. Khi đến nơi thì tại sông bạc không có Qu và Nh, bị cáo Đ đang lắc cái được khoảng 10 ván thì đến ca khác. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, đến bị cáo C làm cái, bị cáo C đưa cho bị cáo 30.000.000đ làm nhiệm vụ phát hỏa, bị cáo V lắc tài xỉu, còn bị cáo C ngồi trên quan sát. Nếu bị cáo V lắc được bảo thì bị cáo được 100.000đ, khi nào nghỉ chơi nếu thắng thì bị cáo C cho bị cáo số tiền từ 200.000đ đến 300.000đ, còn tiền thắng bảo thì xâu 50%, bị cáo V lắc được khoảng 30 ván thì có 1 ván bảo với số tiền thắng bảo được

là 2.800.000đ, bị cáo đưa tiền bảo 1.400.000đ vào lon. Đến khoảng 16 giờ 00 phút, khi bị cáo V lắc hột xí ngầu xong để cho các bị cáo đặt tiền, chuẩn bị khai thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên tay của bị cáo dùng để đánh bạc là 41.000.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia và thu giữ trong túi quần của bị cáo số tiền 25.000.000đ dùng để mua phụ tùng sửa xe cho khách. Nay bị cáo xin được nhận lại số tiền 25.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Trung V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, bị cáo Tr điện thoại cho bị cáo qua huyện Củ Chi lát tài xỉu thì bị cáo đồng ý và hẹn đón tại cua Rạch Kiến, sau đó bị cáo đi xe ô tô 04 chỗ đến, trên xe có bị cáo C. Khi đến khu đất trống phía sau nhà tại ấp Ph, xã A, huyện Củ Chi thì có người khác đang lắc cái, không có Qu và Nh. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày thì đến ca của bị cáo C lắc, bị cáo C đưa cho bị cáo 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa để bị cáo lắc cái, còn bị cáo Tr sẽ phát hỏa. Nếu bị cáo lắc được bảo thì bị cáo được hưởng 100.000đ, khi hết ca lắc cái nếu bị cáo C thắng thì cho bị cáo từ 200.000đ đến 300.000đ. Bị cáo lắc được khoảng 30 ván thì có ván bảo, bị cáo Tr đưa cho bị cáo 100.000đ. Khoảng 16 giờ 00 phút, khi bị cáo lắc xong, các con bạc vừa đặt tiền xong, bị cáo chuẩn bị khai thì Công an đến, bị cáo chạy thoát, đánh rơi 01 điện thoại di động mà bị cáo Tr gọi cho bị cáo rủ đánh bạc. Đến ngày 07/6/2021 bị cáo đến cơ quan công an đầu thú.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang Tr1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, người tên Nh điện thoại rủ đến sòng bạc do Qu và Nh tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, bị cáo mang theo số tiền 30.000.000đ và 01 bộ dụng cụ lắc tài xỉu. Khi đến nơi không có Qu và Nh, bị cáo lắc cái, bị cáo H phát hỏa cho bị cáo. Bị cáo lắc được khoảng 12 ván, thua hết 2.000.000đ thì đến ca của bị cáo C, Tr, V lắc cái, bị cáo tham gia đặt cược được 4 ván, mỗi ván từ 400.000đ đến 1.200.000đ, khi bị cáo đặt cược 500.000đ vào bên tài thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ của bị cáo số tiền 31.190.000đ dùng để đánh bạc, 01 bộ dụng cụ lắc tài xỉu và 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng Qu thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút, bị cáo cùng với bị cáo B đến sòng tài xỉu tại khu đất trống sau nhà số 16/4 đường số 802, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, bị cáo mang theo số tiền 5.000.000đ, khi đến nơi không có Qu và Nh ở đó, bị cáo cho người bạn tên T mượn 2.000.000đ, còn lại 3.000.000đ bị cáo đánh bạc. Lúc đầu thì bị cáo Đ lắc, sau đó đến bị cáo V lắc. Bị cáo tham gia đặt cược được khoảng 15 ván, mỗi ván bị cáo cược số tiền từ 100.000đ đến 500.000đ, bị cáo thua hết 2.500.000đ. Khi bị cáo V lắc xong, bị cáo đặt cược 500.000đ bên tài chưa biết thắng thua thì bị công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Realme. Nay bị cáo xin nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2021 có người tên Nh điện thoại rủ bị cáo đến nhà của Nh chơi tài xỉu thì bị cáo đồng ý, bị cáo mang theo số tiền 35.000.000đ, trong đó có 14.000.000đ bị cáo đóng hụi dùm cho vợ. Sau đó bị cáo được người tên Cu M dùng xe Wave chở bị cáo đến sòng tài xỉu do Nh tổ chức để

tham gia đánh bạc tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến sòng bạc thì không có Qu và Nh ở đó, bị cáo tham gia đánh bạc do bị cáo V lắt cái, bị cáo Tr làm nhiệm vụ chung tiền, còn bị cáo C ngồi trên ghế quan sát. Bị cáo tham gia đặt cược được nhiều ván, mỗi ván từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, khi bị cáo đặt cược 1.000.000đ vào bên tài chưa biết thắng thua thì Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 35.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo. Nay bị cáo xin được nhận lại số tiền 14.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo 24.000.000đ cùng với bị cáo L đến sòng bạc tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, bị cáo đánh ván đầu 300.000đ thì thắng, sau đó bị cáo đặt cược vào bên tài với số tiền 1.000.000đ chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 23.300.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn Hữu Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, bị cáo cùng với người tên Phon đến sòng tài xỉu tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc. Bị cáo mang theo số tiền 39.500.000đ, trong đó có 30.000.000đ dùng để mua xe, bị cáo dùng 9.500.000đ để đánh bạc, lúc đầu thì bị cáo Tr1 lắt cái, sau đó bị cáo V lắt cái. Bị cáo đánh nhiều ván thua hết 4.000.000đ. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo đặt cược 1.000.000đ vào bên tài chưa thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 34.500.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Vivo. Nay bị cáo xin được nhận lại số tiền 30.000.000đ và 01 điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh Th1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 2.000.000đ đến sòng tài xỉu do người tên Tr tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt cược 3 ván do bị cáo V lắt cái, mỗi ván bị cáo cược 100.000đ, 1 ván thắng, 1 ván thua. Khi bị cáo đặt cược ván thứ 3 với số tiền 100.000đ vào bên xỉu chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 2.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung. Nay bị cáo xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo 2.500.000đ cùng với bị cáo S đến sòng bạc tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, bị cáo đánh 03 ván, mỗi ván 500.000đ, bị cáo thua hết 1.500.000đ, sau đó bị cáo đặt cược bên xỉu số tiền 500.000đ chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện, bị cáo bỏ chạy đánh rơi 50.000đ, Công an thu giữ của bị cáo số tiền 450.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Iphone. Nay bị cáo xin nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Minh Tr2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 1.700.000đ cùng với bị cáo H đến sòng tài xỉu do người tên Nh tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt cược 3 ván do bị cáo V lắt cái, mỗi ván bị cáo cược 200.000đ, 1 ván thắng, 1 ván thua, đồng thời bị cáo bắt cược với bị cáo H1 2 ván chưa ăn thua, ván thứ ba bị cáo đặt cược bên tài số



tiền 200.000đ và đặt cược số 9 và số 10, mỗi số 50.000đ với bị cáo H1, chưa biết thắng thua thì bị công an phát hiện bắt giữ, bị cáo bỏ chạy và đánh rơi số tiền 380.000đ, Công an thu giữ của bị cáo số tiền 1.120.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Nay bị cáo xin được nhận lại 01 điện thoại di động Nokia để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Hoàng A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 25.600.000đ đến nhà của bà T để trả nợ cho bà T số tiền 22.000.000đ tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo thấy có sòng tài xỉu nên vào chơi, bị cáo lấy 3.600.000đ để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt khoảng 6 ván, mỗi ván từ 500.000đ đến 700.000đ. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo đặt cược 1.000.000đ vào bên tài chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 27.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung. Nay bị cáo xin được nhận lại số tiền 22.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 1.800.000đ cùng với bị cáo Tr2 đến sòng tài xỉu do người tên Nh tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt cược nhiều ván, mỗi ván bị cáo cược từ 200.000đ đến 300.000đ, bị cáo thua hết 1.500.000đ. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo đặt cược vào bên tài số tiền 300.000đ chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Nay bị cáo xin được nhận lại 01 điện thoại di động Nokia để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn Th2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 10.700.000đ đến sòng tài xỉu do người tên Nh và tên Tr tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, bị cáo lấy 5.700.000đ để tham gia đánh bạc, còn lại 5.000.000đ dùng để trả tiền công cho công nhân cạo mủ cao su. Bị cáo đặt cược ván thứ nhất 200.000đ thắng, ván thứ 2 cược 200.000đ thua, ván thứ ba cược 400.000đ thắng, ván thứ 4 bị cáo cược 500.000đ bên xỉu chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 10.600.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung. Nay bị cáo xin được nhận lại số tiền 5.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, bị cáo đến nhà mẹ ruột của bị cáo tại ấp Ph, xã A, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo thấy có sòng tài xỉu nên vào chơi, bị cáo có 1.100.000đ để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt ván đầu 500.000đ bên xỉu thua, bị cáo đặt cược 500.000đ bên xỉu chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện, bị cáo bỏ chạy thì đánh rơi 100.000đ, thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Nay bị cáo xin được nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Cù Huy B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 8.000.000đ cùng với bị cáo Qu đến sòng tài xỉu do người tên Nh tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt cược nhiều ván, mỗi ván bị cáo cược từ 500.000đ đến 700.000đ, bị cáo thắng 1.200.000đ. Đến 16 giờ 00 phút

cùng ngày, bị cáo đặt cược vào bên tài số tiền 500.000đ chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 8.700.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trúc L1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 9.500.000đ đến sòng tài xỉu do người tên Nh tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, sau đó bị cáo mượn thêm của người bạn 5.000.000đ để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt cược nhiều ván, mỗi ván bị cáo cược 500.000đ, bị cáo thắng 12.500.000đ. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo đặt cược bên tài số tiền 500.000đ chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 26.500.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, nay bị cáo xin nhận lại điện thoại di động hiệu Masstel để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, bị cáo mang theo số tiền 23.200.000 đồng đến sòng tài xỉu do người tên Nh tổ chức tại ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc. Bị cáo dùng 3.200.000 để tham gia đánh bạc, số tiền 20.000.000 đồng bị cáo dùng để trả tiền mua bò. Bị cáo bắt số trực tiếp ăn thua với bị cáo Tr2 nhiều ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và thua hết 400.000 đồng. Đến 16 giờ cùng ngày, bị cáo bắt số 9 và số 10 của bị cáo Tr2 mỗi số tiền 50.000 đồng chưa biết thắng thua thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ của bị cáo số tiền 22.800.000 đồng. Nay bị cáo xin nhận lại số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về hình phạt chính:

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Bình Tr mức án từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trung V mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Trần Quang Tr1 mức án

từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Qu mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Phan Văn Hữu Đ mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th1 mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Đặng Minh Tr2 mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Hoàng A mức án tù 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt 07 (Bảy) tháng của Bản án số 16/2021/HS-ST ngày 24/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Phan Văn Th2 mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Đặng Văn T mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt bị cáo Cù Huy B mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc L1 mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

\* Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

\* Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điểm a, b Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 12 ghế nhựa, 01 tấm chiếu, 01 tấm bạt, 02 gói thuốc, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa, 03 hột xí ngầu, 01 tấm ngói đỏ, 01 thỏi nam châm dùng phục vụ lắ tài xỉu; 01 bộ dụng cụ lắ tài xỉu (của Tr1);

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền: 196.160.000đ (trong đó: 8.600.000đ thu trên chiếu bạc, 9.400.000 đồng là tiền xâu, 178.160.000đ thu giữ trong người các bị cáo dùng vào việc đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo Tr; 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Tr1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Th;

- Trả lại: Số tiền 25.000.000đ cho bị cáo Tr; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi cho bị cáo Qu; số tiền 14.000.000đ cho bị cáo Th; 30.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo cho bị cáo Đ; 01 điện thoại di động cho bị cáo Th1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone cho bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho bị cáo Tr2; số tiền 22.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung cho bị cáo Hoàng A; 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho bị cáo H; số tiền 5.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung cho bị cáo Th2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Masstel cho bị cáo L1; số tiền 20.000.000 đồng cho bị cáo H1.

Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo Trần Bình Tr nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thanh C nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị Trung V nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Trần Quang Tr1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Trọng Quý nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn Th nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thanh S nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Phan Văn Hữu Đ nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Minh Th1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thanh Lâm nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Đặng Minh Tr2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Phan Hoàng A nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Anh H nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Phan Văn Th2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Đặng Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Cù Huy B nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Trúc L1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi của mình làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát

nhân dân huyện Củ Chi và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về tội danh; điều luật áp dụng; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:**

Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức chơi tài xỉu do các bị cáo Tr, V, C làm cái với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trong người các bị cáo dùng để đánh bạc là 196.160.000đ. Bằng hành vi trên thì các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Văn H1 đã bị Công an Thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào ngày 11/5/2020 mà lại tiếp tục đánh bạc ăn thua bằng tiền với bị cáo Đặng Minh Tr2 thì bị Công an phát hiện bắt giữ, bằng hành vi nêu trên thì bị cáo Nguyễn Văn H1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội và tạo ra dư luận xấu trong nhân dân, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được hành vi của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng nhưng chỉ vì mục đích thỏa mãn lợi ích của cá nhân các bị cáo mà các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử xét cần xử lý các bị cáo bằng hình phạt nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng.

Trong vụ án này, bị cáo C là người đứng ra làm cái cho các bị cáo khác đánh bạc, thuê bị cáo Tr và bị cáo V thực hiện việc đánh bạc với các con bạc. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần xử lý bị cáo C mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp quy định pháp luật.

### **[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:**

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

### **[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, bị cáo C có ông nội tên Nguyễn Văn B là liệt sĩ, khi bị phát hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, bị cáo V khi bị phát hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú, bị cáo B có cha là Cù Huy Cảnh được Chủ tịch nước tặng huy chương chiến sĩ chống Mĩ hạng nhì và bản thân bị cáo B đã tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo Th2 có bà nội là bà Đặng Thị V được Chủ tịch nước truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo Qu có bà nội là Hồ Thị Th3 được Nhà nước tặng bằng công với nước, bị cáo L1 có cha là ông Nguyễn Văn Ng được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét cho các bị cáo C, V, B, Th, Qu, L là có căn cứ.

Xét bị cáo Trần Bình Tr có nhân thân xấu, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án vào các năm 2009 và 2015, đã được xóa án tích nên lần phạm tội lần này xem nhưng phạm tội lần đầu, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Phan Hoàng A đã bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng theo Bản án số 16/2021/HSST ngày 24/02/2021, lần phạm tội này không xem là tái phạm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét cần xử phạt bị cáo A hình phạt tù có thời hạn, tổng hợp hình phạt 07 (Bảy) tháng tù theo bản án số 16/2021/HSST ngày 24/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B, Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, việc các bị cáo tham gia đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, trong thời gian được tại ngoại các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, từ lúc phạm tội bị phát hiện đến nay, các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, chấp hành tốt lệnh triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân, Hội đồng xét xử xét nếu không buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, do các bị cáo có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm



phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ.

**[5] Về hình phạt bổ sung:**

Các bị cáo có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét cần phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuy nhiên số tiền phạt bổ sung Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo.

**[6] Về vật chứng vụ án:**

- 12 ghế nhựa, 01 tấm chiếu, 01 tấm bạt, 02 gói thuốc, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa, 03 hột xì ngầu, 01 tấm ngói đỏ, 01 nam châm dùng phục vụ lắc tài xỉu, 01 bộ dụng cụ lắc tài xỉu (của Tr1). Đây là công cụ, phương tiện phục vụ cho việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xét cần tịch thu tiêu hủy;

- Số tiền: 196.160.000đ trong đó: 8.600.000đ thu trên chiếu bạc, 9.400.000đ là tiền xâu, 178.160.000đ thu giữ trong người các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Số tiền 116.000.000đ, trong đó 25.000.000đ của bị cáo Tr; 14.000.000đ của bị cáo Th; 30.000.000đ của bị cáo Đ; 22.000.000đ của bị cáo A; 5.000.000đ của bị cáo Th2; 20.000.000đ của bị cáo H1. Đây là tài sản riêng của các bị cáo Tr, Th, Đ, A, Th2 và H1 không sử dụng vào việc đánh bạc. Tại phiên tòa, các bị cáo xin nhận lại, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của các bị cáo là có cơ sở nên cần giao trả lại cho các bị cáo;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo Tr; 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Tr1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Th. Đây là tài sản của các bị cáo Tr, Tr1, Th liên lạc để tham gia đánh bạc, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme của bị cáo Qu; 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo Th1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo Tr2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo A; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo H; điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo Th2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Masstel của bị cáo L1. Đây là tài sản riêng của các bị cáo sử dụng để liên lạc với gia đình, không sử dụng vào việc phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo xin nhận lại để sử dụng nên Hội đồng xét xử xét cần giao trả cho các bị cáo.

**[7] Về các vấn đề khác:**

Trong vụ án này theo các bị cáo khai còn có người tên Lê Văn Qu và Nguyễn Văn Nh là 02 người tổ chức sòng bạc tại khu đất trống sau nhà số 16/4 đường 802, tổ 12, ấp Ph, xã A, huyện C để thu tiền xâu, tại thời điểm các bị cáo đánh bạc không có Qu và Nh tại địa điểm đánh bạc, hiện Qu và Nh đã bỏ trốn chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã có quyết định tách vụ án tổ chức đánh bạc đối với Qu và Nh và đề nghị loại trừ ra khỏi vụ án, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với các đối tượng có mặt tại sòng bạc gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thanh Tr3, Lê Trúc Ph, Trần Đình L2 nhưng không tham gia đánh bạc, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi chuyển Công an xã An Phú, huyện Củ Chi cùng các vật chứng liên quan để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét.

**[8] Về nghĩa vụ chịu án phí:**

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Bình Tr 03 (Ba) năm tù, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021 đến ngày 15/7/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trung V 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**4.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Quang Tr1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**5.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Qu 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**6.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**7.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**8.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Hữu Đ 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**9.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**10.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**11.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Đặng Minh Tr2 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**12.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng A 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 07 (Bảy) tháng của Bản án số 16/2021/HSST ngày 24/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Phan Hoàng A phải chấp hành hình phạt 03 (Ba) năm 07 (Bảy) tháng tù, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

**13.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**14.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Th2 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**15.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**16.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Cù Huy B 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**17.** Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc L1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**18.** Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 68 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021 đến 09/3/2021 là 09 ngày, tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo H1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng)/tháng. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

**19.** Căn cứ vào Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh C số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Bình Tr số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Trung V số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Quang Tr số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trọng Qu số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh S số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn Hữu Đ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh Th1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Đặng Minh Tr2 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Phan Hoàng A số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Anh H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn Th2 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Đặng Văn T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;
- Phạt bổ sung bị cáo Cù Huy B số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;
- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trúc L1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;
- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

**20.** Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 12 (Mười hai) ghế nhựa, 01 (Một) tấm chiếu, 01 (Một) tấm bạt, 02 (Hai) gói thuốc, 01 (Một) đĩa sứ, 01 (Một) nắp nhựa, 03 (Ba) hột xì gà, 01 (Một) tấm ngói đỏ, 01 (Một) thoi nam châm, 01 (Một) bộ dụng cụ lắc tài xỉu đã qua sử dụng;

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 196.160.000 (Một trăm chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm ngàn đồng) thu trên chiếu bạc, 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm ngàn đồng) là tiền xâu, 178.160.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) là tiền thu giữ trong người các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 353101117022557 của bị cáo Tr đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei 357292097231163 của bị cáo Tr1 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Th đã bị vỡ màn hình, không kiểm tra được số Imei.

- Trả lại cho bị cáo Trần Bình Tr số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng Qu 01 (Một) điện thoại di động hiệu Redmi (Xiaomi), số Imei 863883058703005/01 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng);

- Trả lại cho bị cáo Phan Văn Hữu Đ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei 865966047786138 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Th1 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 355726/09/685700/9 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei 359216079601877 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Đặng Minh Tr2 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 356497060831276 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Phan Hoàng A số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 353914472945018/01 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Anh H 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 351589/69/100417/7 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Phan Văn Th2 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 353465/10/308162/4 đã bị vỡ màn hình trước và sau;



- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 357307082585058 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trúc L1 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số Imei 353872084340392 đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 145/LNK ngày 21/7/2021 (bút lục số 834), Phiếu nhập kho vật chứng số 145/PNK ngày 21/7/2021 (bút lục số 833) và Lệnh nhập kho vật chứng số 37/LNK-CSĐT(CSHS) ngày 16/7/2021 (bút lục số 832) của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi.

**21.** Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1 và Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

**22.** Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Nguyễn Thanh C, Trần Bình Tr, Nguyễn Thị Trung V, Trần Quang Tr1, Nguyễn Trọng Qu, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh S, Phan Văn Hữu Đ, Nguyễn Minh Th1, Nguyễn Thanh L, Đặng Minh Tr2, Phan Hoàng A, Nguyễn Anh H, Phan Văn Th2, Đặng Văn T, Cù Huy B và Nguyễn Trúc L1).

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**